

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2680/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu phố 11, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn PT, xã YL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hoá.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, lúc đầu hạnh phúc, về sau hai người không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn là có căn cứ.

[2] Về con chung: 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh

ngày 03/6/2014. Sau khi ly hôn, chị H và anh P thỏa thuận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con, anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: các đương sự xác định không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: **anh P và chị H** phải nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **15 tháng 11 năm 2022** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 03/6/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng thì kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần

thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004278 ngày 14 tháng 10 năm 2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. **Anh P và chị H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Mẫu 31-VDS

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký, đóng dấu)**

**Phạm Phú Tra**